

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ LỊCH THI HỌC KỲ
Học Kỳ 2 - Năm Học 18 - 19

Stt	Mã HP	Nhóm HP	Tên Học Phần	Số SV	Mã số CBGD	Họ và Tên CBGD	Ngày thi	Giờ thi	Số phút	Phòng thi	Ghi chú
1	XH455	01	Âm vị học	36	000174	Nguyễn Hồng Quý	06/05	7h	60	207C2	
2	XN321	01	Biên dịch Báo chí	44	001856	Hồng Lư Chí Toàn	06/05	1h30	120	202/XH	
3	XN321	02	Biên dịch Báo chí	23	001856	Hồng Lư Chí Toàn	08/05	7h30	120	305/D1	
4	XN321	03	Biên dịch Báo chí	14	001856	Hồng Lư Chí Toàn	07/05	7h	120	204/KH	
5	XN319	01	Biên dịch Môi trường	18	000211	Nguyễn Thị Phương Hồng	2/5	9h50	100	111/C2	210/C2
6	XN342	01	Biên dịch Thư tín văn phòng	21	001054	Đào Phong Lâm	08/05	9h	90	201/XH	
7	XN342	02	Biên dịch Thư tín văn phòng	35	000179	Thái Công Dân	08/05	7h	90		
8	XN342	H01	Biên dịch Thư tín văn phòng	67	000179	Thái Công Dân	07/05	8h	90	203/HA	
9	XN313	01	Biên dịch 2: Biên dịch căn bản 2	44	000187	Vương Lê Thiên Thanh	9/5	9h	120	XH302	
10	XN329	01	Chuyên đề Ngữ âm nâng cao	27	001258	Nguyễn Thái Hữu	7.5.19	1h30	60	207/C2	
11	XN328	01	Chuyên đề Ngữ pháp nâng cao	37	001259	Huỳnh Minh Hiền	07/05	9h50	45	202/C2	
12	XN328	02	Chuyên đề Ngữ pháp nâng cao	41	001259	Huỳnh Minh Hiền	08/05	9h50	45	110/C2	
13	XN331	01	CD tiếng Anh định hướng việc làm	11	000211	Nguyễn Thị Phương Hồng	9/5	3h20	100	208/C2	201/C2
14	XH383	01	Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn	52	001855	Đỗ Xuân Hải	2/5	2h	60	109A3	
15	XH383	02	Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn	47	001855	Đỗ Xuân Hải	7/5	9h	60	209C2	
16	XH383	03	Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn	42	002245	Phan Việt Thắng	2/5	7h30	90	207/B1	
17	XH383	04	Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn	45	002245	Phan Việt Thắng	6/5	9h	90	208/B1	
18	XH383	05	Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn	42	002245	Phan Việt Thắng	7/5	9h30	90	211/C2	
19	XH383	H01	Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn	39	000172	Huỳnh Trung Tín	28/3			hòa an	
20	XH383	H02	Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn	50	000172	Huỳnh Trung Tín	28/3			hòa an	
21	XH551	01	Dịch thuật đại cương	44	001334	Nguyễn Văn Sáu	6/5/19	2h	60	203/D2	
22	XH551	02	Dịch thuật đại cương	47	001334	Nguyễn Văn Sáu	6/5/19	3h20	60	206/D2	
23	FL111H	M01	Đọc 2 - Kỹ năng đọc hiểu trung cấp 1	34	001466	Võ Phương Quyên	12/5	8h	60	CLC01	thi chung

24	FL111H	M02	Độc 2 - Kỹ năng đọc hiểu trung cấp 1	33	001465	Trần Mai Hiền	12/5	8h	60	CLC02	thi chung
25	FL111H	M03	Độc 2 - Kỹ năng đọc hiểu trung cấp 1	36	001465	Trần Mai Hiền	12/5	8h	60	CLC03	thi chung
26	XH547	01	Đông Nam Á học	21	000179	Thái Công Dân	06/05	15h30	60	102/XH	
27	XH348	01	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao 2	24	002343	Lưu Nguyễn Quốc Hưng	2/5/2019	9h50	90	207/C2	
28	XH348	02	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao 2	41	000793	Nguyễn Bửu Huân	24/4/ -8/5/19	9h50	90	304/D2	
29	XH348	03	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao 2	37	001140	Trương Nguyễn Quỳnh Nh	10/5/2019	10h	60	206D2	
30	XH348	04	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao 2	23	001140	Trương Nguyễn Quỳnh Nh	7/5/2019	10h	60	211C2	
31	XH348	05	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao 2	39	001140	Trương Nguyễn Quỳnh Nh	9/5/2019	10h	60	205AB1	
32	XH348	H01	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao 2	40	002142	Đặng Vũ Kim Chi	06/05/2019	9h30	60	201/ha6	
33	XH348	H02	Kỹ năng đọc hiểu nâng cao 2	33	002142	Đặng Vũ Kim Chi	06/05/0219	9h30	60	201/HA6	
34	XH382	01	Kỹ năng nghe nói nâng cao 2	27	001524	Nguyễn Hải Quân	15/05	8h30	60	104/C2	
35	XH382	02	Kỹ năng nghe nói nâng cao 2	52	001524	Nguyễn Hải Quân	14 & 16/05	8h30	60	205 C2 & 301/D1	
36	XH382	03	Kỹ năng nghe nói nâng cao 2	48	001141	Huỳnh Văn Hiến	07/05/2019	9h50	60	206 C2	
37	XH382	04	Kỹ năng nghe nói nâng cao 2	39	001141	Huỳnh Văn Hiến	03/05/2019	1h30	60	205 C1	
38	XH382	H01	Kỹ năng nghe nói nâng cao 2	39	002636	Võ Thị Bích Thảo	02/05/2019	8h	200	HA6	thi chung
39	XH382	H02	Kỹ năng nghe nói nâng cao 2	34	002636	Võ Thị Bích Thảo	7/5/2019	8h	200	HA6	Thi chung
40	XH256	A01	Kỹ năng ngôn ngữ 2A (Nghe-Nói)	41	002108	Lưu Bích Ngọc	13/05/2019	7h30	Thi chung	B1	
41	XH256	A02	Kỹ năng ngôn ngữ 2A (Nghe-Nói)	41	002108	Lưu Bích Ngọc	13/05/2019	7h30	Thi chung	B1	
42	XH256	A03	Kỹ năng ngôn ngữ 2A (Nghe-Nói)	42	002275	Hứa Phú Sĩ	13/05/2019	7h30	Thi chung	B1	
43	XH256	A04	Kỹ năng ngôn ngữ 2A (Nghe-Nói)	34	002275	Hứa Phú Sĩ	13/05/2019	7h30	Thi chung	B1	
44	XH256	A05	Kỹ năng ngôn ngữ 2A (Nghe-Nói)	50	000193	Nguyễn Thành Đức	13/05/2019	7h30	Thi chung	B1	
45	XH256	A06	Kỹ năng ngôn ngữ 2A (Nghe-Nói)	51	000211	Nguyễn Thị Phương Hồng	13/05/2019	7h30	13g30	207,306/C2	6,8/5
46	XH256	G02	Kỹ năng ngôn ngữ 2A (Nghe-Nói)	40	001524	Nguyễn Hải Quân	13/05/2019	7h30	thi chung	B1	
47	XH256	G03	Kỹ năng ngôn ngữ 2A (Nghe-Nói)	40	001524	Nguyễn Hải Quân	13/05/2019	7h30	thi chung	B1	
48	XH257	01	Kỹ năng ngôn ngữ 2B (Đọc-Viết)	15	001140	Trương Nguyễn Quỳnh Nh	13/5/2019	8h	thi chung	B1	
49	XH257	A01	Kỹ năng ngôn ngữ 2B (Đọc-Viết)	41	001856	Hồng Lư Chí Toàn	13/05/2019	8h	thi chung	B1	
50	XH257	A02	Kỹ năng ngôn ngữ 2B (Đọc-Viết)	39	001856	Hồng Lư Chí Toàn	13/05/2019	8h	thi chung	B1	
51	XH257	A03	Kỹ năng ngôn ngữ 2B (Đọc-Viết)	40	000188	Nguyễn Thị Việt Anh	13/05/2019	8h	thi chung	B1	
52	XH257	A04	Kỹ năng ngôn ngữ 2B (Đọc-Viết)	29	000188	Nguyễn Thị Việt Anh	13/05/2019	8h	thi chung	B1	
53	XH257	A05	Kỹ năng ngôn ngữ 2B (Đọc-Viết)	50	000192	Trương Thị Ngọc Diệp	13/05/2019	8h	thi chung	B1	
54	XH257	A06	Kỹ năng ngôn ngữ 2B (Đọc-Viết)	50	000192	Trương Thị Ngọc Diệp	13/05/2019	8h	thi chung	B1	
55	XH257	G02	Kỹ năng ngôn ngữ 2B (Đọc-Viết)	41	000839	Nguyễn Thị Nguyên Tuyết	13/05/2019	8h	thi chung	B1	
56	XH257	G03	Kỹ năng ngôn ngữ 2B (Đọc-Viết)	41	000839	Nguyễn Thị Nguyên Tuyết	13/05/2019	8h	thi chung	B1	

57	XH258	01	Kỹ năng ngôn ngữ 3A (Nghe-Nói)	12	001804	Võ Phạm Trinh Thư	9-10/5/2019	2h	150	101/Khu3	
58	XH260	01	Kỹ năng ngôn ngữ 4A (Nghe-Nói)	60	002487	Lý Thị Ánh Tuyết	14, 16/05/19	1h30, 7h	Nghe, noi	205C2 và 401D1	
59	XH260	02	Kỹ năng ngôn ngữ 4A (Nghe-Nói)	46	002487	Lý Thị Ánh Tuyết	13, 17/05/19	7h30, 8h50	Nghe, Noi	311/C2, 108/B1	
60	XH260	03	Kỹ năng ngôn ngữ 4A (Nghe-Nói)	46	002319	Lê Đỗ Thanh Hiền	9/5/2019	1h30	210	211/C2	
61	XH260	04	Kỹ năng ngôn ngữ 4A (Nghe-Nói)	39	002328	Nguyễn Anh Thi	2/5/2019	1h30	200	304/D1	
62	XH260	05	Kỹ năng ngôn ngữ 4A (Nghe-Nói)	13	002532	Trần Thị Thanh Quyên	2/5/2019	1h30	150	HT KHXH & NV	
63	XH260	06	Kỹ năng ngôn ngữ 4A (Nghe-Nói)	41	001803	Lý Hồng Thái	16/5/2019	1h45	30	105/C2	Nghe
64	XH260	H01	Kỹ năng ngôn ngữ 4A (Nghe-Nói)	44	002328	Nguyễn Anh Thi	6/5/2019	h	200	111/HA	
65	XH260	H02	Kỹ năng ngôn ngữ 4A (Nghe-Nói)	41	002328	Nguyễn Anh Thi	6/5/2019	1h30	200	110/HA	
66	XH291	01	Kỹ năng ngôn ngữ 4B (Đọc-Viết)	50	001138	Nguyễn Minh Thành	2/5	7h30	90	306/D1	
67	XH291	02	Kỹ năng ngôn ngữ 4B (Đọc-Viết)	52	001138	Nguyễn Minh Thành	3/5	1h30	90	305/C2	
68	XH291	03	Kỹ năng ngôn ngữ 4B (Đọc-Viết)	50	001138	Nguyễn Minh Thành	3/5	7h30	90	207/C2	
69	XH291	04	Kỹ năng ngôn ngữ 4B (Đọc-Viết)	40	000839	Nguyễn Thị Nguyên Tuyết	3/5	9h	120	209/C2	
70	XH291	06	Kỹ năng ngôn ngữ 4B (Đọc-Viết)	39	000839	Nguyễn Thị Nguyên Tuyết	8/5	9h	120	210/C2	
71	XH291	H01	Kỹ năng ngôn ngữ 4B (Đọc-Viết)	44	001260	Nguyễn Thanh Tùng	22/4	8h	120	202/HA5	
72	XH291	H02	Kỹ năng ngôn ngữ 4B (Đọc-Viết)	43	001260	Nguyễn Thanh Tùng	22/4	2h	120	202/HA5	
73	XH299	01	Kỹ năng viết học thuật 2	40	000178	Dương Thị Duyên	3/5	1h	120	303/D2	
74	XH299	02	Kỹ năng viết học thuật 2	59	000178	Dương Thị Duyên	3/5	3h20	120	303/D2	
75	XH299	04	Kỹ năng viết học thuật 2	43	000178	Dương Thị Duyên	2/5	1h	120	110/C2	
76	XH299	05	Kỹ năng viết học thuật 2	19	000178	Dương Thị Duyên	2/5	3h20	120	110/C2	
77	XH299	H01	Kỹ năng viết học thuật 2	40	000791	Ngô Thị Trang Thảo	8/5	8h	nộp bài	203 HA5	
78	XH299	H02	Kỹ năng viết học thuật 2	32	000791	Ngô Thị Trang Thảo	9/5	8h	nộp bài	301 HA5	
79	XH254	01	Kỹ năng ngôn ngữ 1A (Nghe nói)	21	002380	Phan Thanh Ngọc Phượng	4/5	1h30	120	304/C1	
80	XH255	01	Kỹ năng ngôn ngữ 1B (Đọc-Viết)	19	001612	Phạm Thị Mai Duyên	6/5	8h	120	101/B1	
81	XH465	01	Lý thuyết dịch	52	000211	Nguyễn Thị Phương Hồng	7/5	3h20	100	106/A3	107/A3
82	XH465	02	Lý thuyết dịch	45	000211	Nguyễn Thị Phương Hồng	3/5	9h50	100	109/A3	
83	XH465	03	Lý thuyết dịch	45	000211	Nguyễn Thị Phương Hồng	6/5	3h20	100	109/A3	
84	XH465	04	Lý thuyết dịch	45	001141	Huỳnh Văn Hiến	03/05	9h50	60	206C2	
85	XH465	05	Lý thuyết dịch	39	001141	Huỳnh Văn Hiến	08/05	7h	60	401D1	
86	XH465	H01	Lý thuyết dịch	41	001141	Huỳnh Văn Hiến	thi tuần 9				
87	XH499	01	Luận văn tốt nghiệp - Anh văn	5	001464	Phương Hoàng Yến	không thi				
88	XH499	H01	Luận văn tốt nghiệp - Anh văn	1	001464	Phương Hoàng Yến	không thi				
89	XH296	01	Ngữ âm thực hành căn bản 2	45	008389	Huỳnh Hồng Huyền	13/5/2019	9h50	90	209/KH	

90	XH296	G02	Ngữ âm thực hành căn bản 2	50	001142	Lê Thị Huyền	22,23/4/19	7h	50	303,202/D2	
91	XH296	G03	Ngữ âm thực hành căn bản 2	42	001142	Lê Thị Huyền	19/4	7h, 9h40	42	401,402/SP	
92	XH297	01	Ngữ âm thực hành nâng cao	30	001258	Nguyễn Thái Hữu	6/5/19	3h30	60	205/C2	
93	XH297	02	Ngữ âm thực hành nâng cao	40	001258	Nguyễn Thái Hữu	7/5/19	10h	60	206/C1	
94	XH297	03	Ngữ âm thực hành nâng cao	39	001258	Nguyễn Thái Hữu	6/5/19	1h45	60	201/C2	
95	XH297	04	Ngữ âm thực hành nâng cao	44	001884	Đông Thanh Hải	10/5/2019	7h30	120	201/C2	
96	XH453	01	Ngữ nghĩa học - Anh văn	20	001334	Nguyễn Văn Sáu	6/5/19	7h30	60	204/C2	
97	XH453	02	Ngữ nghĩa học - Anh văn	47	001334	Nguyễn Văn Sáu	6/5/19	9h50	60	109/C2	
98	XH453	H01	Ngữ nghĩa học - Anh văn	40	000214	Lê Công Tuấn	24/4	14h	60	HA4	
99	XH293	01	Ngữ pháp căn bản 2	20	001259	Huỳnh Minh Hiền	02/05	3h20	60	204/C2	
100	XH293	A01	Ngữ pháp căn bản 2	42	001466	Võ Phương Quyên	6/5	3h20	60	402D2	
101	XH293	A02	Ngữ pháp căn bản 2	40	001466	Võ Phương Quyên	6/5	1h30	60	303D1	
102	XH293	A03	Ngữ pháp căn bản 2	42	001466	Võ Phương Quyên	3/5	9h50	60	203D2	
103	XH293	A04	Ngữ pháp căn bản 2	38	001262	Huỳnh Chí Minh Huyền	2/5/2019	9h50	60	402/D2	
104	XH293	A05	Ngữ pháp căn bản 2	50	002505	Trần Thị Diễm Càn	8/5	7h	70	202D2	
105	XH293	A06	Ngữ pháp căn bản 2	50	002505	Trần Thị Diễm Càn	8/5	8h	70	202D2	
106	XH293	G02	Ngữ pháp căn bản 2	41	001262	Huỳnh Chí Minh Huyền	3/5/2019	9h50	60	303/D1	
107	XH293	G03	Ngữ pháp căn bản 2	40	001262	Huỳnh Chí Minh Huyền	3/5/2019	7h50	60	304/D1	
108	XH294	01	Ngữ pháp nâng cao	14	001426	Võ Kim Hương	8/5/2019	9h15	90 phút	402/TS	
109	FL106H	M01	Nghe Nói 2 - Kỹ năng giao tiếp trung cấp	34	002245	Phan Việt Thắng	12/05/2019	8h	30		
110	FL106H	M02	Nghe Nói 2 - Kỹ năng giao tiếp trung cấp	33	000211	Nguyễn Thị Phương Hồng	12/05/2019	8h	30	CLC3FL	8g50
111	FL106H	M03	Nghe Nói 2 - Kỹ năng giao tiếp trung cấp	36	001141	Huỳnh Văn Hiền	12/05/2019	8h	30		
112	XH537	01	Ngôn ngữ học đối chiếu	44	001464	Phương Hoàng Yến	03/05/2019	1h30	90	107/A3	
113	FL104H	M01	Ngữ âm thực hành 2	34	002318	Hồng Thị Thanh Trúc	06/05/2019	1h15	100	CLC3FL	
114	FL104H	M02	Ngữ âm thực hành 2	33	001884	Đông Thanh Hải	9/5/2019	3h20	120	CLC2FL	
115	FL104H	M03	Ngữ âm thực hành 2	36	002487	Lý Thị Ánh Tuyết	08/05/2019	7h30	150	CLC2FL	
116	XH295	01	Ngữ âm thực hành căn bản 1	29	002487	Lý Thị Ánh Tuyết	09/05/2019	9h	90	107C2	
117	XH295	A01	Ngữ âm thực hành căn bản 1	44	002139	Ngô Mi Lê Anh	23-3/5/3019	1h30	180	202/D2	
118	XH295	A02	Ngữ âm thực hành căn bản 1	39	002139	Ngô Mi Lê Anh	23-3/5/2019	1h30	180		
119	XH295	A03	Ngữ âm thực hành căn bản 1	40	001465	Trần Mai Hiền	9/5/2019	7h30	180	203/D2	
120	XH295	A04	Ngữ âm thực hành căn bản 1	20	002487	Lý Thị Ánh Tuyết	06/05/2019	1h30	90	209KH	
121	XH295	A05	Ngữ âm thực hành căn bản 1	51	000791	Ngô Thị Trang Thảo	7/5	1h30	30	301 C2	
122	XH295	A06	Ngữ âm thực hành căn bản 1	50	000791	Ngô Thị Trang Thảo	7/5	3h30	30	301C2	

123	XH292	01	Ngữ pháp căn bản 1	18	002381	Nguyễn Phương Bảo Trân	4/5	7h30	60	201C1	
124	FL102H	M01	Ngữ pháp nâng cao	34	000187	Vương Lê Thiên Thanh	08/05/2019	2h	60	CLC3FL	
125	FL102H	M02	Ngữ pháp nâng cao	33	000187	Vương Lê Thiên Thanh	09/05/2019	2h	60	CLC3FL	
126	FL102H	M03	Ngữ pháp nâng cao	36	001262	Huỳnh Chí Minh Huyền	2/5/2019	2h	60	CLC2/NN	
127	XH540	01	Phê bình văn học đại cương	40	000207	Hồ Phương Thùy	6/5	8h50	120p	201XH	thi oral
128	XH540	02	Phê bình văn học đại cương	46	000207	Hồ Phương Thùy	3/5	8h50	120p	306D1	thi oral
129	XH540	03	Phê bình văn học đại cương	22	000207	Hồ Phương Thùy	7/5	8h50	120p	402D2	thi oral
130	XH540	H01	Phê bình văn học đại cương	38	001138	Nguyễn Minh Thành	2/5	1h30	120	Hội trường	Hòa An
131	XH540	H02	Phê bình văn học đại cương	36	001138	Nguyễn Minh Thành	2/5	1h30	120	Hội trường	Hòa An
132	XN315	01	Phiên dịch 2: Kỹ năng dịch đuổi căn bản	37	000192	Trương Thị Ngọc Diệp	17/5	7h	150	phòng phiên	dịch
133	XN332	H01	Thực tế ngoài trường - Anh văn	56	001258	Nguyễn Thái Hữu	không thi	Viết	thu hoạch		
134	XN335	01	Tiếng Anh Du lịch 1	41	002557	Huỳnh Thị Anh Thư	03/05/2019	7h30	60 phút	105C2	
135	XN335	02	Tiếng Anh Du lịch 1	38	002557	Huỳnh Thị Anh Thư	07/05/2019	7h30	60phút	302XH	
136	XN336	01	Tiếng Anh Du lịch 2	28	002557	Huỳnh Thị Anh Thư	02/05/2019	9h	60 phút	202 XH	
137	XN336	H01	Tiếng Anh Du lịch 2	27	002142	Đặng Vũ Kim Chi	06/05/2019	8h	60 phút	201/HA5	
138	XN338	01	Tiếng Anh thương mại 1	32	002275	Hứa Phú Sĩ	25/4/2019	9h	60	203 C2	
139	XN339	01	Tiếng Anh thương mại 2	14	002275	Hứa Phú Sĩ	8 và 15 vì nhóm nhỏ	12	90	306 D1	
140	XN339	H01	Tiếng Anh thương mại 2	45	001884	Đổng Thanh Hải	6/5/2019	14h	120	203 HA5	
141	XH498	01	Tiểu luận tốt nghiệp - Anh văn	23	001464	Phương Hoàng Yến	không thi				
142	XH498	02	Tiểu luận tốt nghiệp - Anh văn	23	001464	Phương Hoàng Yến	không thi				
143	XH498	03	Tiểu luận tốt nghiệp - Anh văn	24	001464	Phương Hoàng Yến	không thi				
144	XH498	04	Tiểu luận tốt nghiệp - Anh văn	4	001464	Phương Hoàng Yến	không thi				
145	XH498	H01	Tiểu luận tốt nghiệp - Anh văn	74	001464	Phương Hoàng Yến	không thi				
146	XH511	01	Tiểu luận tốt nghiệp - P.Dịch	1	001464	Phương Hoàng Yến	không thi				
147	XH535	01	Từ pháp học và cú pháp học	45	000174	Nguyễn Hồng Quý	09/05	7h	60	209C2	
148	XH535	03	Từ pháp học và cú pháp học	53	000174	Nguyễn Hồng Quý	08/05	1h30	60	108A3	
149	XH535	H01	Từ pháp học và cú pháp học	32	000174	Nguyễn Hồng Quý	10/05	7h30	60	HA03	
150	XN327	01	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	46	002108	Lưu Bích Ngọc	8/5	2h	90	108C2	
151	XN334	01	Văn học Anh-Mỹ	26	001138	Nguyễn Minh Thành	2/5/2019	9h	90	306/D1	
152	FL116H	M01	Viết 2 - Các thể loại luận 1	34	002177	Nguyễn Thị Văn Sử	12/05	9h	75'	103K1	Thi chung
153	FL116H	M02	Viết 2 - Các thể loại luận 1	33	002177	Nguyễn Thị Văn Sử	12/05	9h	75'	104K1	Thi chung
154	FL116H	M03	Viết 2 - Các thể loại luận 1	36	001464	Phương Hoàng Yến	12/05/2019	8h	75	K1	Thi chung

Thông kê Ngày 11 Tháng 04 Năm 2019

Trưởng Bộ môn

Phương Hoàng Yến

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ LỊCH THI HỌC KỲ
Học Kỳ 2 - Năm Học 18 - 19

Stt	Mã HP	Nhóm HP	Tên Học Phần	Số SV	Mã số CBGD	Họ và Tên CBGD	Ngày thi	Giờ thi	Số phút	Phòng thi	Ghi chú
1	TV223	01	Biên dịch 2 - PV	22	000228	Trần Văn Lụa	06/05/19	13h30	60	108/A3	
2	TV223	02	Biên dịch 2 - PV	35	000228	Trần Văn Lụa	06/05/19	15h30	60	108/A3	
3	TV260	01	Chuyên đề văn học Pháp	23	002176	Nguyễn Trần Huỳnh Mai	23/4	9h50	60	104/KH	
4	TV260	02	Chuyên đề văn học Pháp	30	002176	Nguyễn Trần Huỳnh Mai	25/4	7h15	60	210/C2	
5	TV231	01	Các loại hình văn bản	26	000227	Phan Thành Tâm			Dossier		
6	TV231	02	Các loại hình văn bản	35	000227	Phan Thành Tâm			Dossier		
7	TV227	01	Diễn đạt trước công chúng - PV	39	000841	Diệp Kiến Vũ	22/4	9h50	60	306/D1	
8	TV206	A01	Độc hiểu 2 - PV	45	002011	Lữ Quốc Vinh	16/05/19	13h30	60	202/D2	
9	TV206	A02	Độc hiểu 2 - PV	36	002011	Lữ Quốc Vinh	14/05/19	13h30	60	203/D2	
10	TV208	01	Độc hiểu 4 - PV	23	002176	Nguyễn Trần Huỳnh Mai	02/05/19	14h	60	205/AB1	
11	TV208	02	Độc hiểu 4 - PV	34	002176	Nguyễn Trần Huỳnh Mai	03/05/19	7h30	60	401/D1	
12	TV230	02	Giao tiếp đa văn hóa - PV	40	002176	Nguyễn Trần Huỳnh Mai	Nộp báo cáo				
13	TV240	01	Hướng nghiệp chuyên môn-PV	10	000227	Phan Thành Tâm			Dossier		
14	TV240	02	Hướng nghiệp chuyên môn-PV	37	000227	Phan Thành Tâm			Dossier		
15	TV259	01	Kỹ năng DELF B1	29	000841	Diệp Kiến Vũ	08/04/19	7h	120	203/B1	4 tiết/tuần
16	TV259	02	Kỹ năng DELF B1	11	000841	Diệp Kiến Vũ	13/4	9h50	120	202/C1	4 tiết/tuần
17	TV241	01	Kỹ năng DELF B2	29	000841	Diệp Kiến Vũ	22/4	13h30	120	107/A3	
18	TV241	02	Kỹ năng DELF B2	13	000841	Diệp Kiến Vũ	19/4	13h30	120	210/C2	
19	TV252	01	Kỹ năng nghe-nói nâng cao-PV	23	001614	Nguyễn Thắng Cảnh	24/04/19	9h50	120	Thuyết trình	trình
20	TV252	02	Kỹ năng nghe-nói nâng cao-PV	14	001614	Nguyễn Thắng Cảnh	22/04/19	7h	90	Thuyết trình	trình
21	TV234	01	Luận văn tốt nghiệp - PV	7	000841	Diệp Kiến Vũ	Không thi				
22	TV253	01	Ngữ pháp nâng cao - PV	34	001520	Tăng Đình Ngọc Thảo	26/04/19	15h20	60	107/A3	
23	TV253	02	Ngữ pháp nâng cao - PV	22	001520	Tăng Đình Ngọc Thảo	26/04/19	13h30	60	205A/B1	
24	TV202	A01	Nghe nói 2 - PV	45	000228	Trần Văn Lụa	09/05/19	7h	120	303/D1	
25	TV202	A02	Nghe nói 2 - PV	35	000228	Trần Văn Lụa	09/05/19	9h	120	303/D1	
26	TV204	01	Nghe nói 4 - PV	31	000841	Diệp Kiến Vũ	Báo cáo	nhóm	mỗi tuần		
27	TV204	02	Nghe nói 4 - PV	37	000841	Diệp Kiến Vũ	Báo cáo	nhóm	mỗi tuần		
28	TV217	A01	Ngữ âm thực hành - PV	43	000841	Diệp Kiến Vũ	25/4	8h50	60	107/A3	

29	TV217	A02	Ngữ âm thực hành - PV	35	000841	Diệp Kiến Vũ	26/4	8h50	60	107/A3	
30	TV214	A01	Ngữ pháp 2 - PV	45	002489	Nguyễn Lam Vân Anh	17/04/19	14h	60	205/C2	
31	TV214	A02	Ngữ pháp 2 - PV	36	002489	Nguyễn Lam Vân Anh	19/04/19	14h	60	110/C2	
32	TV216	01	Ngữ pháp 4 - PV	16	001520	Tăng Đình Ngọc Thảo	23/04/2019	7h	60	109/A3	
33	TV216	02	Ngữ pháp 4 - PV	29	001520	Tăng Đình Ngọc Thảo	23/04/2019	9h50	60	108/A3	
34	TV216	03	Ngữ pháp 4 - PV	29	002489	Nguyễn Lam Vân Anh	24/04/19	7h30	90	106/A3	
35	TV254	01	Phương pháp giảng dạy 2 - PV	25	000227	Phan Thành Tâm	23/04/2019	13h30	90	104A/B1	
36	TV254	02	Phương pháp giảng dạy 2 - PV	23	000227	Phan Thành Tâm	25/04/2019	9h	90	205/KH	
37	XH004	G02	Pháp văn căn bản 1 (*)	62	002489	Nguyễn Lam Vân Anh	25/04/2019	7h30	90	HT/XH	
38	XH004	G03	Pháp văn căn bản 1 (*)	60	002176	Nguyễn Trần Huỳnh Mai	22/4/2019	13h30	90	202/D2	
39	XH005	01	Pháp văn căn bản 2 (*)	38	001520	Tăng Đình Ngọc Thảo	24/04/19	9h50	70	105/C1	
40	XH005	02	Pháp văn căn bản 2 (*)	42	001463	Nguyễn Thị Kim Lan	03/05/19	7h	90	108/A3	
41	XH006	01	Pháp văn căn bản 3 (*)	20	002489	Nguyễn Lam Vân Anh	24/04/19	10h	90	106/A3	
42	XH006	02	Pháp văn căn bản 3 (*)	34	001520	Tăng Đình Ngọc Thảo	24/4/	9h50	70	106/A3	
43	XH006	H01	Pháp văn căn bản 3 (*)	44	000227	Phan Thành Tâm	03/08/19	7h	180	303/HA	vấn đáp
44	XH006	H02	Pháp văn căn bản 3 (*)	41	002246	Nguyễn Hoàng Thái	03/08/19	8h	90	302/HA5	
45	TV225	01	Phiên dịch 2 - PV	22	000227	Phan Thành Tâm	22/04/2019	7h	120	Phiên dịch	vấn đáp
46	TV225	02	Phiên dịch 2 - PV	17	000227	Phan Thành Tâm	23/04/2019	7h	120	Phiên dịch	vấn đáp
47	TV220	02	Phương pháp Nghiên cứu khoa học - PV	42	001614	Nguyễn Thắng Cảnh	25/04/19			Dossier	
48	TV258	01	Thực tế ngoài trường - PV	19	000841	Diệp Kiến Vũ	Nộp báo	cáo			
49	TV258	02	Thực tế ngoài trường - PV	26	002176	Nguyễn Trần Huỳnh Mai	Nộp báo	cáo			
50	TV139	01	Từ vựng 2-PV	22	001614	Nguyễn Thắng Cảnh	05/06/19	14h45	60	101/B1	
51	TV139	02	Từ vựng 2-PV	35	001614	Nguyễn Thắng Cảnh	05/06/19	13h30	60	101/B1	
52	TV233	01	Tiểu luận tốt nghiệp - PV	1	000841	Diệp Kiến Vũ	Không	thi			
53	TV239	01	Viết khoa học-PV	16	001614	Nguyễn Thắng Cảnh	26/04/19	7h	60	107/A3	
54	TV239	02	Viết khoa học-PV	28	001614	Nguyễn Thắng Cảnh	26/04/19	8h15	60	106/A3	
55	TV210	A01	Viết 2 - PV	43	000841	Diệp Kiến Vũ	23/04/19	8h50	60	107/A3	
56	TV210	A02	Viết 2 - PV	36	000841	Diệp Kiến Vũ	24/04/19	7h30	60	107/A3	
57	TV212	01	Viết 4 - PV	33	001614	Nguyễn Thắng Cảnh	07/05/19	13h30	60	108A3	
58	TV212	02	Viết 4 - PV	34	001463	Nguyễn Thị Kim Lan	06/05/19	8h	60	107/A3	

Thông kê Ngày 11 Tháng 04 Năm 2019

Trường Bộ môn

Diệp Kiến Vũ

Danh Sách đăng ký lịch thi học kỳ

Học Kỳ 2 - Năm Học 18 - 19

Stt	Mã HP	Nhóm HP	Tên Học Phần	Số SV	Mã số CBGD	Họ và Tên CBGD	Ngày thi	Giờ thi	Số phút	Phòng thi	Ghi chú
1	SG284	01	Âm vị học tiếng Anh	30	002245	Phan Việt Thắng	6/5/2019	07:30	60	105/K1	
2	SG284	02	Âm vị học tiếng Anh	26	002245	Phan Việt Thắng	9/5/2019	10h	60	103/K1	
3	SG278	01	Đọc - viết phê bình	12	000839	Nguyễn Thị Nguyên Tuyết	7/5/2019	9h	60	301 D1	307 D1
4	SG274	01	Đọc-viết học thuật trung cấp	21	000791	Ngô Thị Trang Thảo	7/5/2019	9h	60	401 SP	
5	SG274	02	Đọc-viết học thuật trung cấp	31	001140	Trương Nguyễn Quỳnh Nh	2/5/2019	3h	120	106/K1	
6	SG272	01	Đọc-viết văn bản thông dụng	31	002319	Lê Đỗ Thanh Hiền	10/5/2019	9h	90	105 K1	
7	SG202	01	Giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ	28	000210	Chung Thị Thanh Hằng	6/5/2019	7h50	90	203/C2	
8	SG202	02	Giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ	26	000210	Chung Thị Thanh Hằng	6/5/2019	9h50	90	203/C2	
9	SG268	01	Giao tiếp tiếng Anh quốc tế	30	002319	Lê Đỗ Thanh Hiền	5/8/2019	9h	150	103 K1	
10	SG270	01	Kỹ năng nghe-nói trung cấp	18	001260	Nguyễn Thanh Tùng	3/5 & 8/5	7h	210	207/D2	105/K1
11	SG270	02	Kỹ năng nghe-nói trung cấp	33	002318	Hồng Thị Thanh Trúc	8/5/2019	1h30	210	106K1	
12	SP472	F01	Luận văn tốt nghiệp-Tiếng Anh	9	000193	Nguyễn Thành Đức	Không thi				
13	XH454	01	Ngữ dụng học - Anh văn	47	000191	Bùi Minh Châu	22/4/2019	3h30	60	108/C2	3 lớp đề
14	XH454	02	Ngữ dụng học - Anh văn	32	000191	Bùi Minh Châu	26/4/2019	3h30	60	202/C2	ngợi dạy
15	XH454	03	Ngữ dụng học - Anh văn	37	000191	Bùi Minh Châu	26/4/2019	1h30	60	202/C2	bù thi
16	XH454	H01	Ngữ dụng học - Anh văn	60	001334	Nguyễn Văn Sáu	Thi Hòa an				trước
17	SG276	01	Nghe nói mở rộng	40	000196	Lê Thanh Hùng	2/5/2019	1h30		101/K1	
18	SG276	02	Nghe nói mở rộng	22	000196	Lê Thanh Hùng	25/4/2019	7h		106/K1	
19	SG286	01	Ngôn ngữ học dẫn luận	34	000194	Châu Thiện Hiệp	26/04/2019	1h30	120	105/K1	
20	SG286	02	Ngôn ngữ học dẫn luận	32	000194	Châu Thiện Hiệp	25/04/2019	7h	120	101/K1	
21	SG283	01	Ngữ âm thực hành nâng cao	48	001142	Lê Thị Huyền	16,19/4/19	1h30	38	102/NN	Đã dạy bù
22	SG281	01	Ngữ pháp nâng cao	35	001612	Phạm Thị Mai Duyên	2/5/2019	7.h	60	104/K1	

23	SG281	02	Ngữ pháp nâng cao	25	001612	Phạm Thị Mai Duyên	5/2/2019	1h30	60	104/K1	
24	SG280	01	Ngữ pháp trung cấp	48	001140	Trương Nguyễn Quỳnh Nh	3/5/2019	7h	60	101/K1	
25	SG195	02	Nguyên lý dạy học tiếng Anh	30	000200	Nguyễn Văn Lợi	3/5/2019	9h50	60	310/C1	309C1
26	SP466	01	Nói trước công chúng	27	001465	Trần Mai Hiền	13/5/2019	7h30	180	HT khoa	
27	SP466	02	Nói trước công chúng	30	001465	Trần Mai Hiền	10/5/2019	7h30	180	HT Khoa	
28	XH481	01	Nói trước công chúng - Anh văn	18	001465	Trần Mai Hiền	6/5/2019	7h30	180	HT Khoa	
29	XH481	H01	Nói trước công chúng - Anh văn	45	002142	Đặng Vũ Kim Chi	Thi	Hòa	an		
30	XH481	H02	Nói trước công chúng - Anh văn	22	002142	Đặng Vũ Kim Chi	Thi	Hòa	an		
31	XH175	02	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Anh văn	26	002328	Nguyễn Anh Thi	3/5/2019	1h30	60	102/C1	
32	SG197	01	Thiết kế chương trình tiếng Anh	27	001467	Lý Thị Bích Phượng	10/5/2019	9h		PGV/ D2	Nộp bài
33	SG197	02	Thiết kế chương trình tiếng Anh	38	001467	Lý Thị Bích Phượng	10/5/2019	9h		PGV/D2	Nộp bài
34	SG267	F01	Thực tập Sư phạm tiếng Anh	117	1487	Nguyễn Thị Minh Thư	Không thi				
35	SP471	F01	Tiểu luận tốt nghiệp - Tiếng Anh	16	000193	Nguyễn Thành Đức	Không thi				
36	SG200	01	Ứng dụng CN thông tin trong dạy học tiếng A	39	000193	Nguyễn Thành Đức	2/5/2019	1h30		101/TS	các P lân
37	SG200	02	Ứng dụng CN thông tin trong dạy học tiếng A	36	000193	Nguyễn Thành Đức	3/5/2019	7h		207/C2	cận
38	SG201	01	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	38	001612	Phạm Thị Mai Duyên	Không thi			nộp bài	
39	SG201	02	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	25	000839	Nguyễn Thị Nguyên Tuyết	6/5/2019	2h	60	106/ C2	
40	SG277	F01	Viết báo cáo khoa học	32	002177	Nguyễn Thị Văn Sử	Không thi			Nộp bài	
41	SG277	F02	Viết báo cáo khoa học	49	002177	Nguyễn Thị Văn Sử	Không thi			Nộp bài	

Thông kê Ngày 11 Tháng 04 Năm 2019

P. Trưởng Bộ môn

Phan Việt Thắng

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ LỊCH THI HỌC KỲ
Học Kỳ 2 - Năm Học 18 - 19

Stt	Mã HP	Nhóm HP	Tên Học Phần	Số SV	Mã số CBGD	Họ và Tên CBGD	Ngày thi	Giờ thi	Số phút	Phòng thi	Ghi chú
1	SG339	01	Đánh giá kết quả học tập tiếng Pháp	25	001462	Nguyễn Hương Trà	06.05.2019	7h30	60	106/K1	
2	SG348	01	Dạy tiếng Pháp cho trẻ em	24	001793	Huỳnh Trung Vũ	Lấy điểm soạn và tập giảng (không thi)				
3	SP546	01	Diễn đạt viết I - PV	9	001463	Nguyễn Thị Kim Lan	20/4	9h30	90	203/C1	
4	SP548	01	Diễn đạt viết III - PV	23	001463	Nguyễn Thị Kim Lan	03.05.2019	14h	90	101/K1	
5	SP541	01	Đọc hiểu I - PV	9	002246	Nguyễn Hoàng Thái	23/04	13h	60	Phòng máy KNN	
6	SP543	01	Đọc hiểu III - PV	20	001463	Nguyễn Thị Kim Lan	18/4	7h30	60	106/K1	
7	SG371	F01	Giao tiếp điện tử tiếng Pháp	11	001462	Nguyễn Hương Trà	14/5	7h30	60	101/K1	
8	SG373	F01	Kỹ năng tìm việc - PV	42	001793	Huỳnh Trung Vũ	Lấy điểm bài tập thực hành và bài tập lớn (không thi)				
9	SP269	01	Kỹ thuật báo cáo chuyên đề	27	000228	Trần Văn Lừa	25/04	15h	120	106/K1	
10	SG370	F01	Kỹ thuật biên dịch tư liệu - PV	43	001793	Huỳnh Trung Vũ	08.05.2019	7h	90	303/D1	
11	SP573	F01	Luận văn tốt nghiệp - SP.Tiếng Pháp	1	002246	Nguyễn Hoàng Thái	Không	thi			
12	SP551	01	Nghe - Nói I - PV	9	001055	Võ Văn Chương	16/5	13h30	180	103/K1	vấn đáp
13	SP553	01	Nghe - Nói III - PV	20	000228	Trần Văn Lừa	03.05.2019	7h	120	105/K1	
14	SG367	01	Ngôn ngữ học đối chiếu - PV	27	001055	Võ Văn Chương	Lấy điểm thuyết trình và bài tập lớn (không thi)				
15	SG360	01	Ngữ âm thực hành - PV	9	001462	Nguyễn Hương Trà	24/4	7h	90	106/K1	
16	SG362	01	Ngữ âm tiếng Pháp	28	001462	Nguyễn Hương Trà	03.05.2019	9h	90	104/K1	
17	SP561	01	Ngữ pháp I - PV	9	002246	Nguyễn Hoàng Thái	25/04	10h	60	Phòng máy KNN	
18	SP563	01	Ngữ pháp III - PV	21	001793	Huỳnh Trung Vũ	06.05.2019	9h50	60	101/K1	
19	SG335	01	Nguyên lý dạy học tiếng Pháp	19	000228	Trần Văn Lừa	26/04	7h	60	105/K1	
20	SG338	01	Phương pháp nghiên cứu khoa học tiếng Pháp	24	001055	Võ Văn Chương	Lấy điểm bài tập thực hành và bài tập lớn (không thi)				
21	SG337	01	Thiết kế chương trình tiếng Pháp	25	001793	Huỳnh Trung Vũ	Lấy điểm bài tập thực hành và bài tập lớn (không thi)				

22	SG343	F01	Thực tập sư phạm tiếng Pháp	42	1487	Nguyễn Thị Minh Thu	Không	thi			
23	SP258	F01	Tiếng Pháp du lịch	41	001055	Võ Văn Chương	Lấy điểm thuyết trình và bài tập lớn (không thi)				
24	SG369	F01	Tiếng Pháp nhà hàng và khách sạn	40	001462	Nguyễn Hương Trà	Nộp báo cáo học phần (không thi)				
25	SP296	01	Tình huống phát ngôn	32	001055	Võ Văn Chương	08.05.2019	7h30	60	103/K1	
26	SP296	02	Tình huống phát ngôn	33	001055	Võ Văn Chương	08.05.2019	9h	60	105/K1	
27	SG372	F01	Văn bản báo chí - PV	40	001463	Nguyễn Thị Kim Lan	Lấy điểm thuyết trình nhóm và bài thực hành				
28	SG368	01	Văn bản thông dụng - PV	25	001462	Nguyễn Hương Trà	06.05.2019	13h30	60	106/K1	

Thống kê Ngày 11 Tháng 04 Năm 2019

Trưởng Bộ môn

Võ Văn Chương

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ LỊCH THI HỌC KỲ

Học Kỳ 2 - Năm Học 18 - 19

Stt	Mã HP	Tên m HP	Tên Học Phần	Số SV	Mã số CBGD	Họ và Tên CBGD	Ngày thi	Giờ thi	Số phút	Phòng thi	Ghi chú
1	XH023	01	Anh văn căn bản 1 (*)	44	002079	Nguyễn Thị Kim Thi	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
2	XH023	02	Anh văn căn bản 1 (*)	47	002079	Nguyễn Thị Kim Thi	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
3	XH023	03	Anh văn căn bản 1 (*)	67	002532	Trần Thị Thanh Quyên	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
4	XH023	04	Anh văn căn bản 1 (*)	33	002140	Tăng Thị Lệ Huyền	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
5	XH023	05	Anh văn căn bản 1 (*)	49	001611	Lê Xuân Mai	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
6	XH023	06	Anh văn căn bản 1 (*)	40	001426	Võ Kim Hương	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
7	XH023	07	Anh văn căn bản 1 (*)	46	001426	Võ Kim Hương	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
8	XH023	08	Anh văn căn bản 1 (*)	23	002488	Võ Thị Tuyết Hồng	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
9	XH023	09	Anh văn căn bản 1 (*)	26	002488	Võ Thị Tuyết Hồng	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
10	XH023	10	Anh văn căn bản 1 (*)	26	019010	Nguyễn Thiện Tâm	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
11	XH023	12	Anh văn căn bản 1 (*)	43	019010	Nguyễn Thiện Tâm	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
12	XH023	14	Anh văn căn bản 1 (*)	27	001633	Phạm Mai Anh	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
13	XH023	15	Anh văn căn bản 1 (*)	26	002193	Nguyễn Thị Bích Nhi	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
14	XH023	16	Anh văn căn bản 1 (*)	18	002193	Nguyễn Thị Bích Nhi	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
15	XH023	19	Anh văn căn bản 1 (*)	25	019223	Võ Thị Minh Thu	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
16	XH023	G01	Anh văn căn bản 1 (*)	41	000214	Lê Công Tuấn	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
17	XH023	G02	Anh văn căn bản 1 (*)	13	001426	Võ Kim Hương	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
18	XH023	G03	Anh văn căn bản 1 (*)	10	002079	Nguyễn Thị Kim Thi	12/5/2019	7h	120	B1	Thi chung
19	XH023	H02	Anh văn căn bản 1 (*)	29	008406	Lê Vân Thủy Tiên	12/5/2019	7h	120	Hòa An	Thi chung
20	XH024	01	Anh văn căn bản 2 (*)	47	002401	Nguyễn Khánh Ngọc	12/5/2019	9h15	120	B1	Thi chung
21	XH024	04	Anh văn căn bản 2 (*)	49	002381	Nguyễn Phương Bảo Trân	12/5/2019	9h15	120	B1	Thi chung
22	XH024	05	Anh văn căn bản 2 (*)	45	002381	Nguyễn Phương Bảo Trân	12/5/2019	9h15	120	B1	Thi chung

23	XH024	06	Anh văn căn bản 2 (*)	40	001426	Võ Kim Hương	12/5/2019	9h15	120	B1	Thi chung
24	XH024	07	Anh văn căn bản 2 (*)	48	001426	Võ Kim Hương	12/5/2019	9h15	120	B1	Thi chung
25	XH024	10	Anh văn căn bản 2 (*)	19	001617	Khuru Quốc Duy	12/5/2019	9h15	120	B1	Thi chung
26	XH024	H03	Anh văn căn bản 2 (*)	37	019223	Võ Thị Minh Thu	12/5/2019	7h	120	Hòa An	Thi chung
27	XH024	H04	Anh văn căn bản 2 (*)	41	002442	Võ Hồng Dũng	12/5/2019	7h	120	Hòa An	Thi chung
28	XH025	01	Anh văn căn bản 3 (*)	50	002557	Huỳnh Thị Anh Thư	12/5/2019	13h30	120	B1	Thi chung
29	XH025	02	Anh văn căn bản 3 (*)	50	002557	Huỳnh Thị Anh Thư	12/5/2019	13h30	120	B1	Thi chung
30	XH025	03	Anh văn căn bản 3 (*)	50	002557	Huỳnh Thị Anh Thư	12/5/2019	13h30	120	B1	Thi chung
31	XH025	04	Anh văn căn bản 3 (*)	49	002401	Nguyễn Khánh Ngọc	12/5/2019	13h30	120	B1	Thi chung
32	XH025	05	Anh văn căn bản 3 (*)	49	002401	Nguyễn Khánh Ngọc	12/5/2019	13h30	120	B1	Thi chung
33	XH025	06	Anh văn căn bản 3 (*)	42	001426	Võ Kim Hương	12/5/2019	13h30	120	B1	Thi chung
34	XH025	07	Anh văn căn bản 3 (*)	45	001426	Võ Kim Hương	12/5/2019	13h30	120	B1	Thi chung
35	XH025	10	Anh văn căn bản 3 (*)	48	002079	Nguyễn Thị Kim Thi	12/5/2019	13h30	120	B1	Thi chung
36	XH025	12	Anh văn căn bản 3 (*)	50	002140	Tăng Thị Lệ Huyền	12/5/2019	13h30	120	B1	Thi chung
37	XH025	15	Anh văn căn bản 3 (*)	48	001611	Lê Xuân Mai	12/5/2019	13h30	120	B1	Thi chung
38	XH025	H01	Anh văn căn bản 3 (*)	34	019928	Lê Huỳnh Thảo Trúc	12/5/2019	7h	120	Hòa An	Thi chung
39	XH025	H02	Anh văn căn bản 3 (*)	26	019928	Lê Huỳnh Thảo Trúc	12/5/2019	7h	120	Hòa An	Thi chung
40	XH025	H03	Anh văn căn bản 3 (*)	20	019928	Lê Huỳnh Thảo Trúc	12/5/2019	7h	120	Hòa An	Thi chung
41	FL004H	M01	Độc hiểu 2	46	001612	Phạm Thị Mai Duyên	13/5/2019	14h	60	B1	Thi chung
42	FL004H	M02	Độc hiểu 2	44	001884	Đổng Thanh Hải	13/5/2019	14h	60	B1	Thi chung
43	FL004H	M03	Độc hiểu 2	47	002557	Huỳnh Thị Anh Thư	13/5/2019	14h	60	B1	Thi chung
44	FL004H	M04	Độc hiểu 2	38	001884	Đổng Thanh Hải	13/5/2019	14h	60	B1	Thi chung
45	FL004H	M05	Độc hiểu 2	13	002557	Huỳnh Thị Anh Thư	13/5/2019	14h	60	B1	Thi chung
46	FL004H	M06	Độc hiểu 2	17	001138	Nguyễn Minh Thành	13/5/2019	14h	60	B1	Thi chung
47	FL004H	M07	Độc hiểu 2	21	008388	Võ Kim Hồng	13/5/2019	14h	60	B1	Thi chung
48	FL004H	M08	Độc hiểu 2	37	001140	Trương Nguyễn Quỳnh Như	13/5/2019	14h	60	B1	Thi chung
49	FL004H	M09	Độc hiểu 2	43	001259	Huỳnh Minh Hiền	13/5/2019	14h	60	B1	Thi chung
50	FL004H	M10	Độc hiểu 2	50	002108	Lưu Bích Ngọc	13/5/2019	14h	60	B1	Thi chung
51	FL002H	M01	Nghe và Nói 2	46	001467	Lý Thị Bích Phượng	13/5/2019	9h	60	B1	Thi chung
52	FL002H	M02	Nghe và Nói 2	44	002245	Phan Việt Thắng	13/5/2019	9h	60	B1	Thi chung
53	FL002H	M03	Nghe và Nói 2	47	002245	Phan Việt Thắng	13/5/2019	9h	60	B1	Thi chung

54	FL002H	M04	Nghe và Nói 2	38	001617	Khuru Quốc Duy	13/5/2019	9h	60	B1	Thi chung
55	FL002H	M05	Nghe và Nói 2	13	001617	Khuru Quốc Duy	13/5/2019	9h	60	B1	Thi chung
56	FL002H	M06	Nghe và Nói 2	17	002532	Trần Thị Thanh Quyên	13/5/2019	9h	60	B1	Thi chung
57	FL002H	M07	Nghe và Nói 2	21	001141	Huỳnh Văn Hiến	13/5/2019	9h	60	B1	Thi chung
58	FL002H	M08	Nghe và Nói 2	37	001467	Lý Thị Bích Phượng	13/5/2019	9h	60	B1	Thi chung
59	FL002H	M09	Nghe và Nói 2	43	002318	Hồng Thị Thanh Trúc	13/5/2019	9h	60	B1	Thi chung
60	FL002H	M10	Nghe và Nói 2	50	001141	Huỳnh Văn Hiến	13/5/2019	9h	60	B1	Thi chung
61	XH187	02	Tiếng Anh chuyên ngành-Du lịch	32	002557	Huỳnh Thị Anh Thư	7/5/2019	7h30	60	107A3	
62	XH188	01	Tiếng Anh chuyên ngành-Du lịch	13	002381	Nguyễn Phương Bảo Trân	2/5/2019	7h15	60	301XH	
63	XH188	02	Tiếng Anh chuyên ngành-Du lịch	30	002381	Nguyễn Phương Bảo Trân	2/6/2019	9h	60	101XH	
64	XH188	H01	Tiếng Anh chuyên ngành-Du lịch	53	002079	Nguyễn Thị Kim Thi	3/5/2019	13h30	60	108/ HA	
65	XH189	01	Tiếng Anh chuyên ngành-Du lịch	44	002079	Nguyễn Thị Kim Thi	2/5/2019	7h	60	211/C2	
66	FL006H	M01	Viết 2	46	000187	Vương Lê Thiên Thanh	13/5/2019	7h30	60	B1	Thi chung
67	FL006H	M02	Viết 2	44	002380	Phan Thanh Ngọc Phượng	13/5/2019	7h30	60	B1	Thi chung
68	FL006H	M03	Viết 2	47	000210	Chung Thị Thanh Hằng	13/5/2019	7h30	60	B1	Thi chung
69	FL006H	M04	Viết 2	38	000207	Hồ Phương Thùy	13/5/2019	7h30	60	B1	Thi chung
70	FL006H	M05	Viết 2	13	000839	Nguyễn Thị Nguyên Tuyết	13/5/2019	7h30	60	B1	Thi chung
71	FL006H	M06	Viết 2	17	000214	Lê Công Tuấn	13/5/2019	7h30	60	B1	Thi chung
72	FL006H	M07	Viết 2	21	000207	Hồ Phương Thùy	13/5/2019	7h30	60	B1	Thi chung
73	FL006H	M08	Viết 2	37	000839	Nguyễn Thị Nguyên Tuyết	13/5/2019	7h30	60	B1	Thi chung
74	FL006H	M09	Viết 2	43	001466	Võ Phương Quyên	13/5/2019	7h30	60	B1	Thi chung
75	FL006H	M10	Viết 2	50	001464	Phương Hoàng Yến	13/5/2019	7h30	60	B1	Thi chung

Thống kê Ngày 11 Tháng 04 Năm 2019

Trưởng Bộ môn

Lê Xuân Mai